TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** TỈNH TÂY NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-10-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Trang;
2. Ông Trần Văn Tảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Vịnh, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 363/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1966;

Cư trú tại: Tổ 18, Khu phố 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962;

Cư trú tại: Tổ 18, Khu phố 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Bà Th và ông T đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 7 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1988, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà và ông T không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm, không hạnh phúc. Bà và ông T đã không chung sống cùng nhau từ năm 1998 cho đến nay. Bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn T chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 26/6/1989 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 23/4/1992. Các con đều trên 18 tuổi và có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 19 tháng 8 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Th tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1988, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông và bà Th không có mâu thuẫn, ông không làm gì có lỗi với bà Th và các con nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà Th chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 26/6/1989 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 23/4/1992. Các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà Th và ông T đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Th chung sống như vợ chồng với ông Nguyễn Văn T từ năm 1988 đến nay không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân không được pháp luật thừa nhận. Về con chung: bà Th và ông T có 02 con chung đều đã trưởng thành tự lao động nuôi sống được bản thân nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó đề nghị Hội

đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 không công nhận bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng; về con chung: Các cháu đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Bà Th và ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Bà Th chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn T có đơn xin giải quyết, xét xử văng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Th và ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, chung sống như với nhau như vợ chồng từ năm 1988 mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 26/6/1989 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 23/4/1992. Các con chung đều đã trên 18 tuổi và có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 26/6/1989 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 23/4/1992. Các con chung đều đã trên 18 tuổi và có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006480 ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Bà Nguyễn Thị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA TAT;
- VKS huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ (D).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THA DS huyện TB;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Thạnh Bình;
- Lưu. (D).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Kim Thu